

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHT
TỈNH GL**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2019

*“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng,
nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHT TỈNH GL

Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Chế Công Nghị.

Thư ký phiên tòa: Bà Ng Thị Thu Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PHT, tỉnh GL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PHT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện PHT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-HN&GD ngày 12/12/2018; về yêu cầu *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: thôn Plei TC, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL (có mặt).

Bị đơn: Anh Ng Đ T, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: thôn Plei TC, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam;

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, T. phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: ông Hà T D - Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện PHT, tỉnh GL (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn PHT, huyện PHT, tỉnh GL.

- Bà: Ng T L, sinh năm: 1940 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: thôn Plei TC, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL.

- Ông: Ng B Y, sinh năm: 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn PHT, huyện PHT, tỉnh GL.

- Ông: Vũ T S, sinh năm: 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Glung B, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL.

- Bà: Trịnh T L, sinh năm: 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: thôn Plei TA, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2018 và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị LThị M trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Ng Đ T tự nguyện tìm hiểu, qua sự sắp xếp của gia đình; chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn; trong cuộc sống lúc nghèo khó thì hạnh phúc, sau này kinh tế tạm ổn thì vợ chồng không có hạnh phúc, có nhiều khúc mắc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân chính là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, rượu chè, cờ bạc, cặp bồ bịch, không cho mẹ con tôi ở chung nhà; không có trách nhiệm với gia đình, con cái đang học nói con nghỉ học, thường xuyên say xỉn rồi lấy lý do đánh đập, có lần cầm dao dọa giết tôi và dùng những lời nói thô tục xỉ nhục không coi tôi ra gì, nên cuộc sống chung trong gia đình hay bất hòa, quan điểm sống thường trái ngược nhau, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, tôi cũng đã đưa đơn lên Tòa án nhiều lần, chúng tôi ly thân nhau lâu rồi, hiện nay cuộc sống chung giữa tôi và anh T không thể tồn tại, tôi không còn T cảm với anh T nữa, để đảm bảo tính mạng cho tôi, yêu cầu Toà án giải quyết về hôn nhân Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 03 con chung tên, Ng Thị T Tr , sinh năm 1993; Ng Đ Th, sinh ngày 02/7/2001; hiện tại cháu Tr và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Ng T Th, sinh ngày 30/10/2003; việc cháu ở với ai là nguyện vọng và quyền của cháu; nếu ở với tôi thì yêu cầu anh T phải đóng góp 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T Th niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

+ 01 lô đất thổ cư hiện đang ở, là 01 căn nhà cấp 4 diện tích 90m², tiện nghi trong nhà gồm 1 bộ bàn ghế sa lông, 1 ti vi Sony 48 in, 1 tủ Lh, 1 máy giặt, 1 ao cá có diện tích khoảng 40m²; tại thôn Plei TC, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL và 03 sào lúa nước.

+ 01 lô đất thổ cư có chiều rộng theo quốc lộ 25 là 8m, chiều dài là 50m, có 01 căn nhà ván; tại thôn Thanh TA, xã Ay, huyện PHT, tỉnh GL (theo biên bản xác nhận không tranh chấp bên các hộ lân cận ngày 29/10/2003 của UBND xã IA huyện Ayu (cũ) và Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N Ngọc C và ông Ng Đ T - bà LThị M).

+ 01 lô đất có chiều rộng mặt đường là 12m, ở khu vực sau Bưu điện xã CA huyện PHT (lô đất này vợ chồng sang nhượng của anh P Kim B và vợ là LThị Y).

Về nợ chung:

+Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện PhT, tỉnh GL số tiền là 40.000.000đ.

+ Ông Ng B Y, số tiền là 25.000.000đồng.

+ Ông Vũ T S, số tiền là 6.000.000đồng; tiền mua phân bón.

+ Chị Trinh T L, số tiền là 3.000.000đồng; tiền đổ đất.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi thỏa thuận được thì không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thì yêu cầu giải quyết theo quy định của Pháp luật. Còn đối với bà Ng T L, khai có đưa cho anh T tiền làm vốn buôn bán, tôi không biết nhưng khi chia tài sản tôi biểu bà số tiền là 50.000.000đồng.

Về án phí ly hôn: Tôi tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định.

Bị đơn anh Ng Đ T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi đã nghe rõ toàn bộ nội dung chị M trình bày, về cơ bản tôi đồng ý về quan hệ hôn nhân, sự việc về hôn nhân của vợ chồng tôi Tòa án cũng đã giải quyết nhiều lần, về T cảm đúng là đã mâu thuẫn từ lâu, tôi đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân theo quy định. Còn một số nội dung chị M khai là không đúng, như tôi không đánh đập chị M, không cặp bồ bịch, còn việc chị M khai là quyền của chị M.

Về con chung: Tôi và chị M có 03 con chung tên, Ng Thị T Tr ,sinh năm 1993; Ng Đ Th, sinh ngày 02/7/2001; hiện tại cháu Tr và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Ng T Th, sinh ngày 30/10/2003; việc cháu ở với ai là nguyện vọng và quyền của cháu; nếu ở với tôi thì tôi nuôi và không yêu cầu chị M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

+ Vào khoảng tháng 5 năm 2002 mẹ tôi có đưa số tiền 110.000.000đồng cho tôi để làm ăn. Sau này tôi có mua một số tài sản nhà và đất nên toàn bộ tài sản chung của vợ chồng như chị M khai là tiền của mẹ tôi đưa cho tôi để mua, vì vậy tôi không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của chị M, vì đó là tài sản riêng của tôi do nguồn gốc có khối tài sản trên là có sự đóng góp của mẹ tôi (bà L) cụ thể.

+ 01 lô đất thổ cư hiện đang ở, gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích 90m², tiện nghi trong nhà gồm 1 bộ bàn ghế sa lông, 1 ti vi Sony 48 in, 1 tủ Lh, 1 máy giặt, 1 ao cá có diện tích khoảng 40m² tại thôn Plei TC, xã IA, huyện PHT, tỉnh GL và 03 sào lúanước

+ 01 lô đất thổ cư, theo quốc lộ 25 có chiều rộng là 8m, chiều dài là 50m, có 01 căn nhà ván; tại thôn Thanh TA, xã Ay, huyện PHT, tỉnh GL (theo biên bản xác nhận không tranh chấp bên các hộ lân cận ngày 29/10/2003 của UBND xã IA huyện Ay (cũ) và Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N Ngọc Cvà ông Ng Đ T - bà LThị M).

+ 01 lô đất, có chiều rộng mặt đường là 12m, ở khu vực sau Bưu điện xã CA, huyện PHT (lô đất này vợ chồng sang nhượng của anh P Kim B và vợ là LThị Y).

- *Về nợ chung:* Tôi và chị M nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Ph T, tỉnh GL số tiền là 40.000.000đồng.

+ Ông Ng B Y, số tiền là 25.000.000đồng.

+ Ông Vũ T S, số tiền là 6.000.000đồng; tiền mua phân bón.

+ Chị Trịnh T L, số tiền là 3.000.000đồng; tiền đổ đất.

+ Nợ mẹ tôi bà Ng T L, khoảng tháng 5/2002 là 110.000.000đồng.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam; người được ủy quyền ông Hà T D - Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện PHT, đề nghị Tòa án buộc chị M và anh T phải liên đới trả số tiền là 40.000.000đồng tiền gốc và 164.909đồng tiền lãi, tính đến ngày 12/6/2019.

+ Ông Ng B Y đề nghị Tòa án buộc chị M anh T phải liên đới trả số tiền là 25.000.000đồng theo quy định của pháp luật.

+ Ông Vũ T S đề nghị Tòa án buộc chị M anh T phải liên đới trả số tiền là 6.000.000đồng theo quy định của pháp luật.

+ Chị T Thị L đề nghị Tòa án buộc chị M anh T phải liên đới trả số tiền là 3.000.000đồng theo quy định của pháp luật.

+ Bà Ng T L trình bày: anh T và chị M sống với nhau như vợ chồng từ lúc nào tôi không biết, sau này đưa về quê tôi mới biết là 02 người ở với nhau và có con. Năm 2002, tôi có bán một ngôi nhà ở ngoài bắc và một số tài sản khác được 173.000.000đồng, tôi mang vào đưa cho anh T 110.000.000đồng để làm ăn, khi đưa tiền chỉ có 02 mẹ con biết với nhau; nay anh T và chị M không ở được với nhau, tôi yêu cầu chị M và anh T trả lại tôi số tiền trên theo giá trị vào thời điểm năm 2002.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PHT, tỉnh GL phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 1/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về àn phí, lệ phí Tòa àn.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ về tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị M theo quy định.

Về con chung: chị M và anh T có 03 con chung tên, Ng Thị T Tr , sinh năm 1993; Ng Đ Th, sinh ngày 02/7/2001; hiện cháu Tr đã lập gia đình, còn cháu Th đã trưởng Th nên không xem xét đề cập đến.

Cháu Ng T Th , sinh ngày 30/10/2003 có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, hơn nữa chị M là người thường xuyên liên tục nuôi dưỡng; nên giao cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi Th niên, xét yêu cầu của chị M là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Hà T D - Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện PHT, đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh T trả số tiền 40.000.000đồng theo hợp đồng giữa Ngân hàng CSXH huyện PHT với chị M và anh T và 164.909đồng tiền lãi là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Ng B Y; ông Vũ T S, chị Trịnh T L quá trình Tòa án giải quyết vụ án các đương sự tự nguyện thỏa thuận trả nợ tiền cho nhau và đã rút đơn khởi kiện; Tòa án ra Quyết định đình chỉ độc lập đối với các đương sự và họ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án,

nên không xem xét để giải quyết.

Riêng bà Ng T L tự nguyện thỏa thuận việc trả tiền giữa chị M - anh T và bà L; anh T có nghĩa vụ trả tiền cho bà L, bà L không yêu cầu nữa nên không xem xét giải quyết,

Về án phí: Đối với án phí yêu cầu độc lập, quá trình giải quyết vụ án các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận trả tiền cho nhau và rút đơn trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã được đình chỉ giải quyết, nên không xem xét đề cập đến.

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm về dân sự, án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ và hòa giải, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa một số người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng gì đến nội dung giải quyết vụ án; nên căn cứ vào các Điều 73, Điều 227 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa vẫn xét xử theo quy định.

[2] *Về hôn nhân:* chị LThị M và anh Ng Đ T, tìm hiểu thương yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, chị M và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; mặc dù Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân - gia đình và Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 27/10/2001 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn, nhưng chị M và anh T vẫn không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị M và anh T là không hợp pháp; theo Thông tư số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và Luật hôn nhân và gia đình, chị M yêu cầu giải quyết về hôn nhân, thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét cuộc sống chung của chị M và anh T không có hạnh phúc, T cảm giữa chị M và anh T không còn thương yêu nhau nữa, nhiều lần khởi kiện lên Tòa án yêu cầu giải quyết về hôn nhân, đã sống ly thân nhau lâu rồi, mâu thuẫn của chị M và anh T không thể khắc phục được, thường xuyên xảy ra hơn, hôn nhân ngày càng lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng, giữa chị M và anh T là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] *Về con chung:* chị M và anh T có 03 con chung tên, Ng Thị T Tr, sinh năm 1993; Ng Đ Th, sinh ngày 02/7/2001; hiện cháu Tr đã lập gia đình, còn cháu Th đã Th niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

Đối với cháu Ng T Th, sinh ngày 30/10/2003 quá trình giải quyết, cháu T muốn ở với mẹ; xét nguyện vọng của cháu T là phù hợp với yêu cầu về nuôi con của chị M và anh T đều tôn trọng nguyện vọng của con; hơn nữa lâu nay cháu T thường xuyên liên tục ở với chị M, nên giao cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi Th niên, xét yêu cầu của chị M là hoàn toàn có cơ sở, nên buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu T Th niên.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh T đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về tài sản chung đồng thời thỏa thuận để anh T đã trả toàn bộ số tiền nợ đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại hồ sơ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút đơn và đã Đình chỉ giải quyết vụ án đối với những yêu cầu độc lập trên, nên Hội đồng không đề cập đến nữa.

Đối với bà Ng T L tự nguyện thỏa thuận việc trả tiền giữa chị M - anh T và bà L; anh T có nghĩa vụ trả tiền cho bà L, bà L không yêu cầu nữa nên không xem xét giải quyết,

Riêng số tiền 40.164.909đồng (tính đến ngày 12/6/2019 cả gốc và lãi) của Ngân hàng CSXH huyện PHT; đại diện theo ủy quyền và chị M - anh T thỏa thuận để anh T trả, nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, để anh Ng Đ T trả số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 465; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Thị M.

Về hôn nhân: Tuyên bố Không công nhận quan vợ chồng giữa chị L Thị M và anh Ng Đ T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện về việc nuôi con chung của chị M và anh T; giao người trực tiếp việc nuôi con cho chị L Thị M như sau:

Giao 01 con chung tên Ng T Th, sinh ngày 30/10/2003 cho chị L Thị M là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T Th niên và tự lập được hoặc đã Th niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình; anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi con chung Th niên tự lập được; thời gian đóng góp kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ghi nhận sự thỏa thuận của Đại diện theo ủy quyền ông Hà T D- Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện PHT và anh T: anh Ng Đ T phải trả Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện PHT, tỉnh GL số tiền 40.164.909đ (“*Bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi tư ngàn chín trăm không chín ngàn đồng*” trong đó 40.000.000đồng tiền gốc và 164.909đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: chị LThị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006234 ngày 12/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PHT, tỉnh GL; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh Ng Đ T phải nộp 2.008.000đồng (*Hai triệu, không trăm không tám ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2019) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H PHT;
- Chi cục THADS.H PHT;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Ruyết